

Số: 1188/QĐ-ĐHTB

Sơn La, ngày 08 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định về xây dựng, chỉnh sửa
ngân hàng dữ liệu đề thi kết thúc học phần

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 23/03/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường Đại học;

Căn cứ “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 và được hợp nhất tại văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học; “Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học” ban hành theo Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ “Quy chế về công tác đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” ban hành kèm theo Quyết định số 878/QĐ-ĐHTB ngày 19/09/2018 và “Quy định về công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ áp dụng đối với đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học” ban hành kèm theo Quyết định số 283/QĐ-ĐHTB ngày 05/05/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về xây dựng, chỉnh sửa ngân hàng dữ liệu đề thi kết thúc học phần” của Trường Đại học Tây Bắc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế cho các quyết định trước đây quy định về xây dựng ngân hàng dữ liệu đề thi kết thúc học phần.

Điều 3. Trưởng Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục; trưởng các phòng, khoa trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT, KTBĐCLGD(2b).



TS. Đinh Thanh Tâm

QUY ĐỊNH

Xây dựng, chỉnh sửa ngân hàng dữ liệu đề thi kết thúc học phần

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1188/QĐ-ĐHTB ngày 08/11/2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về xây dựng, chỉnh sửa, tổ chức nghiệm thu, quản lý và sử dụng ngân hàng dữ liệu đề thi kết thúc học phần đối với tất cả các chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Bắc.

2. Quy định này áp dụng đối với cán bộ, giảng viên, sinh viên hệ chính quy, học viên hệ vừa làm vừa học (sau đây gọi chung là người học) đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Bắc.

Điều 2. Mục đích xây dựng ngân hàng dữ liệu đề thi

1. Nhằm đổi mới phương thức đánh giá kết quả học tập của người học, đảm bảo tính độc lập, khách quan, công bằng, chính xác trong quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đối với các chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Hệ thống câu hỏi trong ngân hàng dữ liệu đề thi kết thúc học phần được giảng viên và người học sử dụng trong quá trình giảng dạy và học tập học phần, nhằm thống nhất trong bộ môn về nội dung cơ bản và trọng tâm kiến thức, kỹ năng cần giảng dạy theo chuẩn kiến thức của học phần; làm cơ sở hướng dẫn người học học tập, giúp người học tích cực, chủ động trong quá trình học tập và chuẩn bị đề cương tự học, ôn tập học phần.

Điều 3. Quy định về chuẩn kiến thức, kỹ năng; dữ liệu đề thi và ngân hàng đề thi

1. Chuẩn kiến thức, kỹ năng của mỗi học phần là những nội dung kiến thức và kỹ năng cơ bản, cốt lõi của học phần mà người học cần đạt được sau khi học xong học phần. Chuẩn kiến thức, kỹ năng của mỗi học phần bao gồm nội dung kiến thức lý thuyết, bài tập, thực hành tương ứng của hầu hết các bài, các chương, các phần cấu thành học phần, chiếm tỷ trọng tối thiểu bằng 75% kiến thức trong chương trình chi tiết của học phần, phù hợp với đề cương học phần và chuẩn đầu ra của ngành đào tạo, thống nhất với nội dung giáo trình và tài liệu tham khảo do bộ môn tuyển chọn để giảng dạy học phần đó, đảm bảo tính liên thông giữa các học phần trong cùng chương trình đào tạo.

2. Dữ liệu đề thi kết thúc học phần là hệ thống các câu hỏi và đáp án tương ứng dành cho từng học phần, sao cho từ hệ thống các câu hỏi đó có thể thiết lập nên các

đề thi kết thúc học phần hoàn chỉnh, đảm bảo được mục đích và đáp ứng các yêu cầu cơ bản về kiểm tra đánh giá năng lực người học thông qua việc đánh giá kết quả học tập học phần theo chương trình đào tạo của ngành học, phù hợp với trình độ đào tạo.

Dữ liệu đề thi kết thúc học phần cần được biên soạn đảm bảo yêu cầu về hình thức và cú pháp, sao cho có thể nhập liệu vào máy tính để xử lý xác lập đề thi tự động bằng phần mềm chuyên dụng và thuận lợi cho việc tổ chức thi trên máy tính đối với các học phần phù hợp.

3. Ngân hàng dữ liệu đề thi kết thúc học phần là tập hợp dữ liệu đề thi của tất cả các học phần được Nhà trường nghiệm thu, quản lý và lưu giữ, sử dụng lâu dài để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học trong các kỳ thi kết thúc học phần.

Điều 4. Trách nhiệm và điều kiện đối với giảng viên, khoa, bộ môn

1. Việc làm đề thi và xây dựng ngân hàng dữ liệu đề thi là nhiệm vụ của giảng viên.

2. Các khoa chịu trách nhiệm tổ chức xây dựng chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với tất cả các học phần do khoa giảng dạy; rà soát, lập kế hoạch đề xuất chỉnh sửa, bổ sung dữ liệu đề thi đã có và tổ chức xây dựng mới đối với tất cả các học phần trong chương trình đào tạo hiện có của Trường, do khoa đang phụ trách, hoàn thành trong giai đoạn từ năm học 2019-2020 đến hết năm học 2022-2023.

3. Dữ liệu đề thi của mỗi học phần do một hoặc một số giảng viên cùng biên soạn, trong đó có một giảng viên chủ trì có chuyên môn được đào tạo đúng với chuyên ngành của học phần đăng ký biên soạn đề thi.

4. Giảng viên chủ trì biên soạn dữ liệu đề thi chịu trách nhiệm tổ chức và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm biên soạn, đảm bảo tiến độ thực hiện và chất lượng của dữ liệu đề thi.

5. Bộ môn có trách nhiệm phân công giảng viên đúng chuyên môn đóng góp ý kiến cho giảng viên biên soạn đề thi về nội dung tổng thể và nội dung chi tiết của từng câu hỏi, nhằm đảm bảo chất lượng của dữ liệu đề thi.

6. Việc biên soạn mới hoặc chỉnh sửa, bổ sung dữ liệu đề thi được thực hiện theo kế hoạch của Trường, thông qua hợp đồng giữa Nhà trường và giảng viên chủ trì biên soạn, trên cơ sở đề xuất của khoa.

7. Ngân hàng dữ liệu đề thi được chỉnh sửa, bổ sung định kỳ đồng thời với việc rà soát chỉnh sửa, cập nhật chương trình đào tạo.

Điều 5. Nội dung dữ liệu đề thi, hình thức thi

1. Nội dung dữ liệu đề thi phải phù hợp với đề cương chi tiết của học phần và yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng đã thống nhất. Hệ thống câu hỏi cần bao quát toàn bộ chuẩn kiến thức, kỹ năng và cân đối giữa các đơn vị kiến thức trong toàn bộ học phần, khuyến khích được người học chủ động, sáng tạo trong học tập, có kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2. Dữ liệu đề thi phải đạt các yêu cầu về văn phạm và hình thức soạn thảo, về

nội dung khoa học, tính chính xác của các câu hỏi và đáp án tương ứng, về mục tiêu đánh giá học phần, về tỷ trọng phân bố các câu hỏi trong toàn bộ chương trình gắn với chuẩn kiến thức của học phần.

3. Mỗi học phần chỉ biên soạn dữ liệu đề thi thuộc một trong hai hình thức là thi viết dạng tự luận hoặc thi trắc nghiệm hoàn toàn. Đối với hình thức thi trắc nghiệm hoàn toàn, dữ liệu đề thi phải biên soạn bảo đảm thuận lợi trong sử dụng tổ chức thi trên máy tính. Thang điểm tất cả các hình thức thi là thang điểm 10.

4. Dữ liệu đề thi kết thúc học phần cần được biên soạn đảm bảo yêu cầu về hình thức và cú pháp, sao cho có thể nhập liệu vào máy tính để xử lý xác lập đề thi tự động bằng phần mềm chuyên dụng, thuận lợi cho việc tổ chức thi trên máy tính.

Các quy định chi tiết về trình bày dữ liệu đề thi và đáp án của mỗi hình thức thi được thực hiện theo hướng dẫn chi tiết trong phần phụ lục của Quy định này.

Điều 6. Ngôn ngữ, hình thức và phần mềm soạn thảo

1. Ngôn ngữ dùng để biên soạn dữ liệu đề thi là tiếng Việt (trừ các môn ngoại ngữ hoặc các thuật ngữ chuyên ngành chưa Việt hóa trong giáo trình giảng dạy).

2. Phần mềm dùng để soạn thảo dữ liệu đề thi là Microsoft Word, theo bộ mã Unicode, font chữ Times New Roman, cỡ chữ 12, dẫn dòng multiple 1,2 đối với văn bản có chèn công thức hoặc các biểu tượng, ký tự đặc biệt; dẫn dòng đơn đối với văn bản thông thường; khoảng cách giữa các đoạn là 6pt. Các đồ thị, biểu đồ, sơ đồ, hình vẽ, hình ảnh đưa vào đề thi và đáp án nhất thiết phải lưu ở dạng file ảnh và sử dụng quy tắc chèn ảnh vào văn bản trong Microsoft Word, bảo đảm chính xác, cân đối, đúng vị trí, có tính thẩm mỹ. Các ký hiệu và công thức Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học trong cần soạn thảo bằng phần mềm hỗ trợ Mathtype. Không sử dụng những kỹ thuật không đúng quy tắc soạn thảo văn bản trong tin học căn bản; không sử dụng các hình thức định dạng đặc biệt, các tổ hợp phím tắt để soạn thảo số mũ hoặc chỉ số trong công thức để tránh bị mất định dạng văn bản, sai lệch công thức gốc khi xử lý dữ liệu đề thi bằng phần mềm chuyên dụng. Không sử dụng các phần mềm soạn thảo chuyên biệt không phổ dụng, gây khó khăn khi biên tập, xử lý đề thi.

Điều 7. Quy định cụ thể về dữ liệu đề thi viết tự luận

1. Dữ liệu đề thi viết cần phân loại thành các loại câu hỏi khác nhau, bao gồm các loại câu hỏi kiểm tra kiến thức lý thuyết; các câu hỏi kiểm tra kỹ năng; các loại câu về bài tập, thực hành; các câu hỏi phân loại người học và các loại câu hỏi khác phù hợp với yêu cầu mục tiêu của học phần.

2. Mỗi đề thi viết tự luận phải có ít nhất 2 loại và nhiều nhất là 5 loại câu hỏi, được quy định thống nhất về cấu trúc và công thức xác lập đề thi đối với từng học phần, phù hợp với thời gian thi theo quy định. Số lượng câu hỏi mỗi loại trong một bộ đề thi viết tự luận của mỗi học phần bằng 5 lần tổng số tín chỉ của học phần. Số lượng câu hỏi của một bộ đề thi mỗi học phần bằng 5 lần tổng số tín chỉ của học phần nhân với số câu quy định trong cấu trúc và công thức xác lập đề thi của mỗi học phần. Nội dung các câu hỏi trong một bộ đề thi viết tự luận tuyệt đối không được trùng lặp.

3. Đáp án và hướng dẫn chấm đối với dữ liệu đề thi viết dạng tự luận, yêu cầu trình bày chi tiết đến từng ý nhỏ, chính xác đến 0,5 điểm đối với các môn khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, ngoại ngữ; chính xác đến 1,0 điểm đối với các môn khoa học xã hội và nhân văn (xem Phụ lục 2).

Điều 8. Quy định cụ thể về dữ liệu đề thi trắc nghiệm

1. Mỗi đề thi trắc nghiệm hoàn toàn gồm 50 câu hỏi trắc nghiệm, mỗi câu hỏi 0,2 điểm và thời gian làm bài từ 60 đến 90 phút.

2. Dữ liệu đề thi viết dạng trắc nghiệm hoàn toàn được biên soạn thành một hệ thống câu hỏi với tỷ trọng kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá phù hợp. Số lượng câu trắc nghiệm cần biên soạn bằng 100 lần số tín chỉ của học phần, được thống nhất phân loại thành các nhóm theo các loại câu hỏi khác nhau phù hợp với mục đích kiểm tra, đánh giá của học phần. Nội dung các câu hỏi trong một bộ đề thi trắc nghiệm tuyệt đối không được trùng lặp.

3. Đề thi viết dạng trắc nghiệm hoàn toàn phải có công thức xác lập đề thi giống như đề thi viết dạng tự luận, trong đó chỉ rõ mỗi đề thi có bao nhiêu câu hỏi thuộc mỗi dạng câu hỏi và phải ghi rõ hướng dẫn cụ thể cách trả lời mỗi dạng câu hỏi trắc nghiệm. Phần này được trình bày trên phần đầu trang đầu của các câu hỏi cùng loại. Các câu hỏi được sắp xếp theo loại câu trắc nghiệm.

4. Mỗi câu trắc nghiệm thống nhất có 4 đáp án cho trước, trong đó chỉ có một đáp án đúng. Chữ ký hiệu ghi trước các đáp án là các chữ in hoa A, B, C, D. Chữ cái đầu tiên của mỗi đáp án phải viết hoa, trừ những công thức, ký hiệu chuyên ngành. Các đáp án phải được đặt theo đúng thứ tự A - B - C - D, gạch chân chữ ký hiệu đáp án đúng.

5. Không đánh số thứ tự các câu hỏi trắc nghiệm. Hết mỗi câu hỏi trắc nghiệm đặt một ký hiệu ngắt câu [
]. Không được dùng bảng để chứa các phương án lựa chọn. Không được dùng tính năng đánh thứ tự tự động đối với chữ ký hiệu các đáp án A, B, C, D.

Điều 9. Quy trình tổ chức biên soạn dữ liệu đề thi

Dữ liệu đề thi khi đưa vào sử dụng phải bảo đảm tính chính xác, tuyệt đối không được có bất kỳ sai sót nào dù nhỏ. Vì vậy, việc tổ chức xây dựng, chỉnh sửa dữ liệu đề thi bắt buộc phải tuân theo quy trình gồm các bước sau đây:

1. Bộ môn chuyên môn xác định và thống nhất về chuẩn kiến thức, kỹ năng cần đạt được, hình thức thi, công thức xác lập đề thi của tất cả các học phần lý thuyết hoặc học phần có cả lý thuyết và thực hành do bộ môn phụ trách theo đúng yêu cầu về chuẩn kiến thức quy định tại Điều 3 của Quy định này.

2. Các khoa, bộ môn trực thuộc đăng ký danh sách các học phần biên soạn dữ liệu đề thi của đơn vị kèm theo danh sách giảng viên được phân công chủ trì biên soạn, gửi Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục để xây dựng hợp đồng với các giảng viên chủ trì biên soạn đề thi theo từng năm học.

3. Sau khi ký hợp đồng, giảng viên tiến hành biên soạn hệ thống câu hỏi kèm theo đáp án chi tiết của từng loại câu hỏi theo công thức đề thi đã xác lập.

4. Bộ môn đóng góp ý kiến về nội dung chi tiết của dữ liệu đề thi cho giảng viên biên soạn theo các yêu cầu trong các Điều 5, 6, 7, 8 của Quy định này.

5. Sau khi được góp ý, giảng viên phải kiểm tra, rà soát và hoàn thiện dữ liệu đề thi theo những ý kiến góp ý đã thống nhất của Bộ môn.

Điều 10. Tổ chức nghiệm thu và hoàn thiện sản phẩm

1. Ngân hàng dữ liệu đề thi được tổ chức nghiệm thu ở cấp bộ môn và cấp khoa.

Trưởng bộ môn chịu trách nhiệm tổ chức các xem xét, góp ý kiến về toàn bộ nội dung dữ liệu đề thi tại bộ môn. Bộ môn chỉ đề nghị nghiệm thu cấp khoa sau khi giảng viên hoàn thành chỉnh sửa theo góp ý chi tiết của Bộ môn.

Trưởng khoa có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu dữ liệu đề thi cấp khoa trước thời hạn kết thúc hợp đồng ít nhất 20 ngày. Thành phần Hội đồng nghiệm thu cấp khoa do Trưởng khoa quyết định thành lập, gồm 3 thành viên: Chủ tịch, Phản biện 1, Phản biện 2 kiêm ủy viên thư ký.

2. Biên bản nghiệm thu cấp khoa phải ghi chi tiết tất cả các ý kiến đề nghị chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của Chủ tịch hội đồng. Sau khi giảng viên hoàn thành chỉnh sửa lần cuối, Chủ tịch Hội đồng xác nhận và nộp sản phẩm cho Trưởng qua Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng Giáo dục gồm 03 bản in dữ liệu đề thi hoàn chỉnh kèm theo file nội dung hoàn chỉnh gửi qua email hoặc đường dẫn đến địa chỉ Drive xác định có thể truy cập để tải thư mục; Biên bản nghiệm thu cấp khoa xác nhận đã chỉnh sửa sau khi hội đồng góp ý; hợp đồng kèm theo biên bản thanh lý hợp đồng đã ghi đầy đủ nội dung (theo mẫu).

3. Giảng viên biên soạn và Hội đồng nghiệm thu cấp khoa hoàn toàn chịu trách nhiệm về chất lượng và tính chính xác của ngân hàng dữ liệu đề thi sau khi đã nghiệm thu.

4. Việc chỉnh sửa, bổ sung dữ liệu đề thi đã có để sử dụng cho các chương trình đào tạo mới cũng được tiến hành trên cơ sở các quy định trên đây. Khối lượng các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung cho mỗi bộ đề thi không vượt quá 30% so với dữ liệu của bộ đề thi xây dựng mới. Trên cơ sở kết quả rà soát và đề nghị của bộ môn, Trưởng Khoa quyết định tỷ lệ phần trăm của các nội dung chỉnh sửa, bổ sung đối với dữ liệu đề thi của mỗi học phần do Khoa giảng dạy.

Điều 11. Quản lý, lưu giữ, xử lý và sử dụng ngân hàng dữ liệu đề thi

1. Ngân hàng dữ liệu đề thi do Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục quản lý và lưu giữ. Hiệu trưởng quyết định phê duyệt danh mục các học phần đã hoàn thiện dữ liệu đề thi để đưa vào sử dụng trong các kỳ thi kết thúc học phần.

2. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm đề xuất và triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng ngân hàng đề thi; biên tập dữ liệu đề thi đã nghiệm thu thành cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc xây dựng các đề thi hoàn chỉnh bằng phần mềm chuyên dụng để sử dụng; tổ chức in, sao, đóng gói, bảo mật đề thi kết thúc học phần theo quy chế hiện hành.

Điều 12. Khen thưởng và kỷ luật

1. Các cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi được xem xét đề nghị khen thưởng theo quy định về thi đua, khen thưởng.
2. Các cá nhân, tập thể vi phạm như thiếu trách nhiệm, tổ chức xây dựng ngân hàng dữ liệu đề thi không đúng quy trình dẫn đến sai sót hoặc vi phạm hợp đồng đã ký kết, v.v..., tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng Giáo dục phối hợp với các đơn vị xây dựng kế hoạch hoàn thành công tác xây dựng dữ liệu đề thi tất cả các học phần của các ngành đào tạo hiện có trong giai đoạn từ năm học 2019-2020 đến hết năm học 2022-2023; phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ đề xuất định mức giờ chuẩn đối với nhiệm vụ xây dựng ngân hàng dữ liệu đề thi cho giảng viên.
2. Phòng Kế toán Tài chính phối hợp với Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục xây dựng hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đối với các nhóm biên soạn dữ liệu đề thi; đề xuất mức kinh phí chi trả cho các hoạt động thực hiện nhiệm vụ tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi phù hợp với quy định hiện hành.
3. Ngoài các quy định trên đây, các yêu cầu khác về đề thi thực hiện theo Quy chế thi, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Tây Bắc.

HIỆU TRƯỞNG


TS. Đinh Thanh Tâm

Phụ lục 1a: Mẫu trình bày dữ liệu ngân hàng đề thi viết tự luận

DỮ LIỆU NGÂN HÀNG ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: (Ghi chính xác tên học phần)

Mã học phần: (Ghi mã học phần)

Dùng cho (các) ngành: (Ghi tên các ngành) trình độ (ĐH hoặc CĐ)

Công thức xác lập đề thi:

1 đề (10 điểm) = 1 câu 3 điểm loại 1 + 1 câu 3 điểm loại 2 điểm + 1 câu 4 điểm

I. CÂU HỎI 3 ĐIỂM LOẠI 1

Câu 1:

Câu 2:

Câu 3:

Câu 4:

Câu 5:

.....

Câu 20:

II. CÂU HỎI 3 ĐIỂM LOẠI 2

Câu 1:

Câu 2:

Câu 3:

Câu 4:

Câu 5:

.....

Câu 20:

III. CÂU HỎI 4 ĐIỂM

Câu 1:

Câu 2:

Câu 3:

Câu 4:

Câu 5:

.....

Câu 20:

Ghi chú: Các câu hỏi mỗi loại được sắp xếp theo thứ tự tăng dần; mỗi loại câu hỏi cách nhau một khoảng trống bằng 3 dòng. Mẫu này trình bày cho học phần có 4 tín chỉ.

Phụ lục 1b: Mẫu trình bày dữ liệu ngân hàng đề thi trắc nghiệm

DỮ LIỆU NGÂN HÀNG ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: (Ghi chính xác tên học phần)

Mã học phần: (Ghi mã học phần)

Dùng cho (các) ngành: (Ghi tên các ngành) trình độ (ĐH hoặc CĐ)

Công thức xác lập đề thi:

1 đề (10 điểm) = 20 câu hỏi loại 1 + 15 câu hỏi loại 2 + 15 câu hỏi loại 3

(Tổng số câu hỏi các loại bằng số tín chỉ x 100, mỗi câu 0,2 điểm.

Trong đó, tỷ lệ số câu loại 1 : loại 2 : loại 3 là 20: 15: 15)

I. CÂU HỎI LOẠI 1: Choose the word or phrase closest in meaning to the underlined part:

China has an immense domestic market for consuming goods.

A. massive

B. successful

C. prominent

D. significant

[
]

.....

[
]

Phenomenal changes took place in nearly every facet of ship design and operation

A. wide

B. exceptional

C. definite

D. debilitating

[
]

I. CÂU HỎI LOẠI 2: (Trình bày hướng cách trả lời các câu hỏi trắc nghiệm loại 2)

(Trình bày giống như trình bày hệ thống câu hỏi loại 1 ở trên, từ câu đầu tiên đến câu cuối cùng cho đến đủ số lượng câu; không đánh số thứ tự các câu; hết mỗi câu hỏi trắc nghiệm đặt một ký hiệu ngắt câu [
])

III. CÂU LOẠI 3: (Trình bày hướng cách trả lời các câu hỏi trắc nghiệm loại 3)

(Trình bày giống như trình bày hệ thống câu hỏi loại 1 ở trên, từ câu đầu tiên đến câu cuối cùng cho đến đủ số lượng câu; không đánh số thứ tự các câu; hết mỗi câu hỏi trắc nghiệm đặt một ký hiệu ngắt câu [
])

Ghi chú: Các câu hỏi mỗi loại được sắp xếp theo thứ tự tăng dần; mỗi loại câu hỏi cách nhau một khoảng trống bằng 3 dòng. Mẫu này trình bày cho học phần có 4 tín chỉ.

Phụ lục 2

ĐÁP ÁN DỮ LIỆU NGÂN HÀNG ĐỀ THI

Học phần: (Ghi chính xác tên học phần)

Mã học phần: (Ghi mã học phần)

Dành cho (các) ngành (ghi tên các ngành) trình độ (ĐH hoặc CĐ)

I. LOẠI CÂU 3 ĐIỂM

Câu 1	Ý	Nội dung	Điểm
1	1.	- Cho f và g là hai hàm số liên tục trên đoạn $[a; b]$, có đạo hàm trên khoảng $(a; b)$. Nếu $g'(x) \neq 0$ với mọi $x \in (a; b)$, thì tồn tại ít nhất một điểm $c \in (a; b)$ sao cho $\frac{f(b) - f(a)}{g(b) - g(a)} = \frac{f'(c)}{g'(c)} \quad (1)$	0.5
		- Trước hết ta thấy rằng, hàm số g thoả mãn các giả thiết của Định lý <i>Lagrange</i> .	0.25
		-	0.5
		-	0.75
		-	1,0
1	2.	- Cho hàm $f(x) = \sin x$ và $g(x) = \ln x$ xác định trong đoạn $[a; b]$ với $0 < a < b$. Tồn tại ít nhất một điểm $c \in (a; b)$ sao cho	0.25
		0.5
		0.5
		0.5
Câu 2	Ý	Nội dung	Điểm
	1.		
	2.		

II. LOẠI CÂU 4 ĐIỂM

Chú ý: Đáp án mỗi câu tách thành 1 bảng riêng.